

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN,
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 151/2024/DS-ST

Ngày 19 – 7 – 2024

V/v tranh chấp HĐ về hội

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Hoài Ân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Trọn

2. Bà Đoàn Thị Sim

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Bảo Trân – Là Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 19 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 248/2024/TLST-DS, ngày 05 tháng 6 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng về hội theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 194/2024/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Huỳnh Bé T, sinh năm 1977; Địa chỉ: ấp Hưng H, xã Tân H, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. **Bị đơn:** Ông Huỳnh Văn Đ, sinh năm 1961; Địa chỉ: ấp Hưng H, xã Tân H, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa, bà Huỳnh Bé T (nguyên đơn) trình bày:

Ngày 06/01/2021 (âm lịch viết tắt AL), ông Huỳnh Văn Đ mở dây hội 500.000 đồng, hội hưởng hoa hồng, mỗi chân hội viên hót hội phải trả lại cho chủ hội tiền còn là 350.000 đồng. Dây hội này, tháng khai hai lần vào các ngày 06 và 21 hàng tháng, dây hội có 100 chân, bà tham gia chơi 02 chân, hội miễn ngày 15/02/2025 (AL). Quá trình tham gia hội, bà đóng hội sống được 81 kỳ hội sống thì đến kỳ thứ 82 nhằm ngày 21/4/2024 (AL) ông Đ tuyên bố đình hội nhưng đến nay, ông Đ vẫn chưa trả lại số tiền 02 chân hội sống cho bà. Nay bà yêu cầu ông Đ trả một lần cho bà số tiền hội của 02 chân hội sống bằng với tiền hội chết mà bà đã đóng được 81 kỳ với số tiền 81.000.000 đồng nhưng trừ tiền còn là 700.000 đồng/02 chân và bà đồng ý cho ông Đ thêm 300.000 đồng nên số tiền còn lại bà chỉ yêu cầu ông Đ trả là 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng). Ngoài ra, bà không yêu cầu gì thêm.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa, ông Huỳnh Văn Đ (bị đơn) trình bày:

Về thời gian mở hội, thời gian khai hội, loại hội, số hội viên tham gia và số chân hội bà Huỳnh Bé T tham gia, số kỳ hội đã đóng và thời gian đình hội bà T trình bày là đúng. Dây hội này do ông làm chủ, việc chơi hội có lập danh sách hội viên nhưng không có đăng ký với chính quyền địa phương, khi hội viên hót hội thì phải trả lại cho chủ hội tiền cò là 350.000 đồng/chân. Trong thời gian giao dịch hội, do một số hội viên hót không đóng lại hội chết nên đến kỳ thứ 82 nhằm ngày 21/4/2024, ông tuyên bố đình hội và hai chân hội của bà T tham gia chưa hót, bà T đã đóng được 81 kỳ hội sống. Tuy nhiên, số tiền bà T thực đóng cho mỗi chân hội là 26.243.000 đồng, hai chân bà T thực đóng với số tiền 52.486.000 đồng. Nay bà T yêu cầu ông trả 81 kỳ hội sống đã đóng bằng với hội chết, ông không đồng ý và xin bà T cho ông trả số tiền hội bằng với số tiền thực đóng là 52.486.000 đồng nhưng hiện hoàn cảnh khó khăn, ông Đ xin chờ ông bán được đất sẽ trả số tiền nợ trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn được xác định là tranh chấp hợp đồng về hội. Quá trình thực hiện thỏa thuận về hội, bị đơn đã đình hội vào ngày 21/4/2024 (AL) nhưng không thực hiện nghĩa vụ trả lại tiền hội đã góp cho nguyên đơn, nên giữa các đương sự xảy ra tranh chấp.

[2] Xét nội dung tranh chấp, Hội đồng xét xử thấy rằng việc mở dây hội ngày 06/01/2021 (AL) giữa các đương sự tuy không đăng ký với chính quyền địa phương nhưng có lập danh sách hội viên, được các đương sự thừa nhận về thời gian mở hội, thời gian khai hội, loại hội, số hội viên tham gia và số chân hội nguyên đơn tham gia, số kỳ hội nguyên đơn đã đóng và thời gian bị đơn đình hội là sự thật nên không phải chứng minh.

[3] Xét thấy việc bị đơn yêu cầu trả số tiền thực tế nguyên đơn đã đóng là chưa có cơ sở chấp nhận bởi dây hội trên bị đơn tuyên bố đình hội, không phải là vỡ hội. Dù rằng bị đơn cung cấp danh sách từng kỳ hội khai, số tiền hội bỏ, hội đóng của từng kỳ nhưng danh sách này được lập sau khi nguyên đơn đã khởi kiện được bị đơn thừa nhận tại phiên tòa. Hơn nữa, bị đơn không đưa ra được chứng cứ chứng minh từng kỳ khai hội, họ tên từng hội viên hót hội nên chưa đủ căn cứ xác định số tiền thực đóng của nguyên đơn đúng với số tiền bị đơn trình bày trong khi bị đơn thừa nhận khi bị đơn tuyên bố đình hội, một số hội viên đã hót hội đã cùng với một số hội viên còn hội chưa hót và bị đơn thống nhất gặt số tiền hội chết phải đóng lại cho bị đơn để trả cho hội viên còn hội sống, riêng một số hội viên khác bị đơn vẫn đi gom hội chết để trả cho hội viên khác còn một số hội viên không chịu đóng, bị đơn sẽ khởi kiện sau. Do đó, cần buộc bị đơn trả cho nguyên đơn tiền hội sống bằng với tiền hội chết là phù hợp và tại phiên tòa, nguyên đơn đồng ý trừ tiền cò là 700.000 đồng/hai chân, tự nguyện cho thêm bị đơn 300.000 đồng nên chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền hội còn nợ là 80.000.000 đồng được chấp nhận.

[4] Về thời gian và phương thức thanh toán nợ, Hội đồng xét xử xét thấy do các đương sự không thỏa thuận được với nhau và việc thanh toán thuộc thẩm

quyền giải quyết của Cơ quan thi hành án sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nên không đề cập xem xét trong vụ án.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, bị đơn phải chịu nhưng do bị đơn là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên xét miễn cho bị đơn. Đối với nguyên đơn không phải chịu án phí, số tiền tạm ứng án phí đã nộp được trả lại cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 468, 471 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Huỳnh Bé T.

Buộc ông Huỳnh Văn Đ trả cho bà Huỳnh Bé T số tiền là 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án, ông Đ không tự nguyện thi hành xong, thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Ông Huỳnh Văn Đ là người cao tuổi, nên được miễn nộp án phí theo quy định.

Bà Huỳnh Bé T không phải chịu. Ngày 04/6/2024, bà T đã nộp số tiền tạm ứng án phí 2.025.000 đồng (hai triệu không trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003570 được trả lại cho bà T.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H.Phú Tân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
(Đã ký)

Lâm Hoài Ân